

Số: ~~73695~~ CT-TTHT

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2019

V/v hoàn thuế GTGT đối với
đối tượng hưởng ưu đãi miễn
trừ ngoại giao

Kính gửi: Văn phòng Quỹ Tiền tệ Quốc Tế
(Địa chỉ: P601, 63 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội)

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công hàm số 03/2019-CT của Văn phòng Quỹ Tiền tệ Quốc Tế (sau đây gọi là "IMF") hỏi về thủ tục hoàn thuế GTGT, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 08/2003/TT-BTC ngày 15/1/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng (gtgt) đối với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam quy định:

"I. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

Các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tại Việt Nam nêu tại điểm 2 dưới đây để sử dụng, được hoàn lại thuế GTGT đã trả ghi trên hoá đơn GTGT.

1. Đối tượng được hưởng miễn trừ ngoại giao:

- Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc đóng tại Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Cơ quan đại diện) và người đứng đầu các Cơ quan đại diện này.

- Các viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, viên chức của tổ chức quốc tế và các nhân viên hành chính kỹ thuật của các Cơ quan đại diện.

- Cơ quan đại diện của Tổ chức quốc tế liên Chính phủ ngoài hệ thống Liên hợp quốc và thành viên cơ quan được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ về thuế GTGT theo thoả thuận của Chính phủ Việt Nam đã ký kết với tổ chức đó.

2. Hàng hoá, dịch vụ được hoàn thuế GTGT:

2.1. Đối với Cơ quan đại diện và người đứng đầu Cơ quan đại diện:

- Dịch vụ thuê nhà làm trụ sở Cơ quan đại diện hoặc nhà ở của người đứng đầu Cơ quan đại diện.

- Điện, nước sinh hoạt dùng cho trụ sở Cơ quan đại diện và nhà ở của người đứng đầu Cơ quan đại diện...

- Căn cứ Điều 52 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý thuế quy định về Hoàn thuế GTGT đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao.

1. Nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế và thủ tục giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT

Các Cơ quan đại diện thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT, trong vòng 10 (mười) ngày đầu của tháng đầu quý, lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế của quý

trước và gửi hồ sơ cho Cục Lễ tân nhà nước trực thuộc Bộ Ngoại giao để xác nhận hồ sơ hoàn thuế GTGT.

Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ, Cục Lễ tân nhà nước có trách nhiệm xem xét hồ sơ và xác nhận về đối tượng, danh mục và số lượng hàng hóa, dịch vụ được hoàn thuế GTGT. Sau khi Cục Lễ tân nhà nước đã có xác nhận hồ sơ hoàn thuế GTGT, Cục Lễ tân nhà nước chuyển hồ sơ cho Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết.

Đối với trường hợp không thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT hoặc hồ sơ hoàn thuế GTGT được lập không đầy đủ, Cục Lễ tân nhà nước gửi trả hồ sơ hoàn thuế cho đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

2. Hồ sơ hoàn thuế GTGT

- Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách nhà nước theo mẫu 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của Cục Lễ tân nhà nước trực thuộc Bộ Ngoại giao.

- Bảng kê thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho cơ quan đại diện ngoại giao theo mẫu số 01-2/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này và Bảng kê thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho viên chức ngoại giao tại Việt Nam theo mẫu số 01-3/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này.

- Bản gốc kèm theo 02 (hai) bản chụp hóa đơn GTGT có đóng dấu của cơ quan đại diện. Cơ quan thuế sẽ trả lại các hóa đơn gốc cho cơ quan đại diện sau khi thực hiện hoàn thuế GTGT..."

- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

+ Tại Điều 13 quy định về cấp hóa đơn do Cục Thuế đặt in

"1. Cơ quan thuế cấp hóa đơn cho các tổ chức không phải là doanh nghiệp, hộ và cá nhân không kinh doanh nhưng có phát sinh hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cần có hóa đơn để giao cho khách hàng.

Trường hợp tổ chức không phải là doanh nghiệp, hộ và cá nhân không kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc thuộc trường hợp không phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng thì cơ quan thuế không cấp hóa đơn.

2. Hóa đơn do cơ quan thuế cấp theo từng số tương ứng với đề nghị của tổ chức, hộ và cá nhân không kinh doanh gọi là hóa đơn lẻ.

Tổ chức không phải là doanh nghiệp, hộ và cá nhân không kinh doanh nhưng có phát sinh hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cần có hóa đơn để giao cho khách hàng được cơ quan thuế cấp hóa đơn lẻ là loại hóa đơn bán hàng.

...

3. Cơ quan thuế cấp hóa đơn lẻ cho việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ được xác định như sau:

...



- Đối với hộ và cá nhân không kinh doanh: Cơ quan thuế quản lý địa bàn nơi cấp mã số thuế hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trên sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực hoặc nơi cư trú do hộ, cá nhân tự kê khai (không cần có xác nhận của chính quyền nơi cư trú).

Trường hợp tổ chức, hộ và cá nhân không kinh doanh có bất động sản cho thuê thì cơ quan thuế quản lý địa bàn có bất động sản thực hiện cấp hóa đơn lẻ.

..."

- Căn cứ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế hướng dẫn (áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi):

+ Tại Điều 1 quy định về người nộp thuế

"1. Người nộp thuế theo hướng dẫn tại Chương I Thông tư này là cá nhân cư trú bao gồm cá nhân, nhóm cá nhân và hộ gia đình có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là cá nhân kinh doanh). Lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh bao gồm cả một số trường hợp sau:

...

2. Người nộp thuế nêu tại khoản 1 Điều này không bao gồm cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống."

...

+ Tại Điều 4 quy định về phương pháp tính thuế đối với cá nhân cho thuê tài sản

"1. Nguyên tắc áp dụng

a) Cá nhân cho thuê tài sản là cá nhân có phát sinh doanh thu từ cho thuê tài sản bao gồm: cho thuê nhà, mặt bằng, cửa hàng, nhà xưởng, kho bãi không bao gồm dịch vụ lưu trú; cho thuê phương tiện vận tải, máy móc thiết bị không kèm theo người điều khiển; cho thuê tài sản khác không kèm theo dịch vụ.

b) Đối với cá nhân cho thuê tài sản thì mức doanh thu 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định cá nhân không phải nộp thuế giá trị gia tăng và không phải nộp thuế thu nhập cá nhân là tổng doanh thu phát sinh trong năm dương lịch của các hợp đồng cho thuê tài sản.

...

2. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cho thuê tài sản là doanh thu tính thuế và tỷ lệ thuế tính trên doanh thu.

a) Doanh thu tính thuế

Doanh thu tính thuế đối với hoạt động cho thuê tài sản được xác định như sau:

a.1) Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động cho thuê tài sản là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê và các khoản thu khác không bao gồm

khoản tiền phạt, bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê.

a.2) Doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động cho thuê tài sản là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê và các khoản thu khác bao gồm khoản tiền phạt, bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê..."

...
b) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu

- Tỷ lệ thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động cho thuê tài sản là 5%

- Tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động cho thuê tài sản là 5%

c) Xác định số thuế phải nộp

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \frac{\text{Doanh thu tính thuế}}{\text{GTGT}} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ thuế GTGT} \\ 5\% \end{array}$$
$$\begin{array}{l} \text{Số thuế TNCN} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \frac{\text{Doanh thu tính thuế}}{\text{TNCN}} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ thuế TNCN} \\ 5\% \end{array}$$

..."

- Căn cứ điểm 2.5, khoản 2, Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

"2.5. Chi tiền thuê tài sản của cá nhân không có đầy đủ hồ sơ, chứng từ dưới đây:

- Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản và chứng từ trả tiền thuê tài sản.

- Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản, chứng từ trả tiền thuê tài sản và chứng từ nộp thuế thay cho cá nhân.

- Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận tiền thuê tài sản chưa bao gồm thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ tổng số tiền thuê tài sản bao gồm cả phần thuế nộp thay cho cá nhân..."

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về

+ Tại Điều 7 Giá tính thuế

..."

12. Đối với hàng hóa, dịch vụ được sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT như tem, vé cước vận tải, vé xổ số kiến thiết... thì giá chưa có thuế được xác định như sau:

$$\text{Giá chưa có thuế GTGT} = \frac{\text{Giá thanh toán (tiền bán vé, bán tem...)}}{1 + \text{thuế suất của hàng hóa, dịch vụ (\%)}}$$

+ Tại Điều 18 quy định về đối tượng và trường hợp được hoàn thuế GTGT

..."

7. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc trên chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng..."

- Căn cứ Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế:

"Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 và Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính) như sau:

...7. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng hoặc trên chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng..."

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

Trường hợp Văn phòng Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) có thuê căn biệt thự Villa Hoa Lan của gia đình bà Lê Hoàng Anh để cho ông Trưởng đại diện của IMF ở với số tiền 3.100 USD/ tháng trong vòng 35 tháng kể từ ngày 15/5/2019 đã bao gồm các loại thuế, phí quản lý thì Bà Lê Hoàng Anh thuộc trường hợp cá nhân có tài sản cho thuê có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm, thực hiện kê khai, tính nộp thuế TNCN, GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu, không có hóa đơn GTGT. Do đó, Văn phòng Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) không có hóa đơn GTGT hoặc chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán đã có thuế GTGT nên không đủ điều kiện về hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định tại Điều 52 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

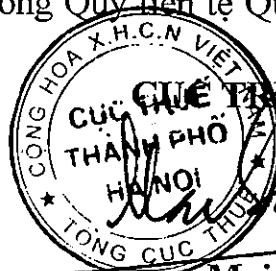
Trong quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, đề nghị Công ty liên hệ với Phòng Quản lý hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Văn phòng Quỹ tiền tệ Quốc tế được biết và thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- P. DTPC;
- P. CNTK;
- P. KK KTT;
- CCT Long Biên;
- Lưu: VT, TTHT(3).

(8/3)



Mai Sơn